TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 27/02/2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **BÙI VĂN MÀU**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 635/2023/TLST–DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông **Lê Minh T,** sinh năm 1960 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.
2.Bị đơn: Ông **Phạm Văn T,** sinh năm 1959 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2023 và lời khai tại Toà, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Khi ông T giao cây giống ông T là người nhận, ông T có làm giấy biên nhận hẹn hai tháng trả. Ông T còn nợ các khoản tiền cụ thể:

Ngày 12/8/2018, nợ 25.000.000đ, đến ngày 24/8/2018 trả được 15.000.000đ, còn nợ lại 10.000.000đ.

Ngày 29/9/2018, nợ 29.000.000đ.

Ngày 28/12/2019, nợ 246.000.000đ.

Ngày 06/6/2020, nợ 30.000.000đ.

Ngày 05/4/2021, nợ 24.500.000đ.

Nhưng đến nay, ông T vẫn chưa trả các khoản tiền còn nợ cho ông.

Ông yêu cầu ông T trả tổng số tiền mua bán cây giống còn thiếu là 339.250.000đ.

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông không thống nhất biên nhận 06/6/2020 và 12/8/2018. Ông đã chuyển khoản cho ông T số tiền là 78.000.000đ. Trừ ra các số tiền của hai biên nhận này và 78.000.000đ thì còn lại bao nhiêu ông sẽ trả cho ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 229.250.000 đồng, không yêu cầu ông T trả số tiền 40.000.000 đồng. Bị đơn vẫn giữ ý kiến như trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông T trả số tiền còn nợ cho ông T là 229.250.000đ. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà ông T đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên. Đây là quyền tự định đoạt hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Về nội dung:

[2] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa, ông T đã khẳng định thực tế ông T có mua bán cây giống với ông T và ông T có thiếu lại tổng cộng số tiền là 229.250.000đ kéo dài đến nay chưa trả, ông T có viết biên nhận cho ông T làm tin.

Trong khi đó, bản thân ông T cho rằng đã trả được cho ông T số tiền 78.000.000đ thông qua hình thức chuyển khoản nhưng hoàn toàn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thuyết phục để chứng minh cho ý kiến của mình cũng như ông T xác định hoàn toàn không hề có việc này. Từ đó, Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền mua bán còn thiếu là 229.250.000đ theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi, căn cứ quy định pháp luật thì bị đơn được miễn án phí phải chịu.

[4] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T.

Buộc ông Phạm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho ông Lê Minh T số tiền mua bán còn thiếu là 229.250.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu ông T trả số tiền 40.000.000 đồng.

Về án phí: Ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Xuân Lam